

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/07/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RP3+RC4	7:25	7+13+0	0+0+0		7+14+1	0+0+0	
2		P4+RP1	7:25	15+7	0+0+0		12+10	0+0+0	THAY KH DO NGUOI VE TAU
3		P1+P9+P2	7:25	7+6+9	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
4		P4+P10	9:25	1+2+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	SU CO KHI P4 THEM 1 NGUOI DI
5		P2+P6+P8+AMD	9:25	6+12+0	0+0+0		0+5+17	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2020	TO: TD3 - RP3 - RC4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: XANH-1	FROM: VT	CREW: Phong - Mạnh - QTrưởng	ETA: 09:10

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUNG DUNG	TD3	01	1	10		76	DVL	Vietnamese
2	DUONG THAI SON	TD3	98	1	10		71	DVL	Vietnamese
3	DANG QUOC DAT	TD3	02	1	17		78	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THU	TD3	03	1	15		65	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN HUU VIET	TD3	600	1	15		61	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN HUU HA	TD3	99	1	14		70	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN DUC LONG	TD3	97	1	12		62	DVL	Vietnamese
8	HOANG DINH CHIEN	RP3	35	1	5	50	65	PSV	Vietnamese
9	PHAM NGOC GIAO	RP3	69	1	4		50	PSV	Vietnamese
10	VU NGOC HUNG	RP3	33	1	5		62	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NANG	RP3	91	1	5		58	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEU	RP3	94	1	4		51	PSV	Vietnamese
13	PHAN SY CAO	RP3	93	1	3		66	PSV	Vietnamese
14	TRAN BA MAU	RP3	70	1	4		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN TRUONG	RP3	67	1	5		64	PSV	Vietnamese
16	VU TIEN DUNG	RP3	90	1	7		65	PSV	Vietnamese
17	LAI VAN THANH	RP3	34	1	5		58	PSV	Vietnamese
18	TRAN QUANG NHAN	RP3	92	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	PHAM HONG LINH	RP3	95	1	2		75	PVGAS	Vietnamese
20	BUI VAN PHU	RP3	68	1	2		69	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	7	93	483	0	0		
2	RP3	13	13	56	808	50	14		
3	RC4	0	0	0	0	34	1		
TOTAL		20	20	149	1.291	84	15		
WEIGHT KG				149	1.291	84			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P4 - RP1	CREW: VThắng - Dương - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI LÂM	P4	97	1	5	55	64	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN KHUU	P4	98	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN MUỘI	P4	31	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUC VIET	P4	29	1	9		53	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LUÂN	P4	30	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
6	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	89-90	2	14		72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY HOANG	P4	91-92	2	7		74	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÂM	P4	95-96	2	15		66	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	27-28	2	12		76	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHI	P4	32	1	3		70	PSV	Vietnamese
11	TRẦN THANH LIÊM	P4	99	1	8		64	PSV	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HUNG	P4	93	1	8		80	PSV	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN TOÀN	P4	90	1	7		55	PSV	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	94	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SANG	P4	33-34	2	10		65	XN KHI	Vietnamese
16	DANG BA DIEU	RP1	91	1	4	55	53	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HOAN	RP1	87	1	7		65	PSV	Vietnamese
18	HA QUỐC VINH	RP1	86	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT DUNG	RP1	90	1	5		79	PSV	Vietnamese
20	LE VAN QUY	RP1	92	1	9		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN HUAN	RP1	88	1	5		71	PSV	Vietnamese
22	PHAN VĂN HỒNG	RP1	89	1	6		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	20	127	996	55	12		
2	RP1	7	7	41	471	55	10		
TOTAL		22	27	168	1.467	110	22		
WEIGHT KG				168	1.467	110			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: P1-P9-F	TO: P1 - P9 - P2	CREW: ĐỨC - Khanh - HTNam	ETA: 09:20
VANG-I			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TU HUE	P1	62-63	2	17	11	54	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HUONG	P1	62-63	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN TRUNG KIEN	P1	65	1	8		72	PSV	Vietnamese
4	LE HONG MINH	P1	64	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN KHANH CHAN	P1					58	PSV	Vietnamese
6	NG THI KIM TUYEN	P1	60-61	2	15		65	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HIEN	P9	65	1	9	30	80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH QUANG HUY	P9	67	1	7		70	NIPI	Vietnamese
9	PHAM CONG TUAN	P9	70	1	5		56	PSV	Vietnamese
10	BUI DAC CANH	P9	69	1	4		65	PSV	Vietnamese
11	NHAM DINH QUY	P9	68	1	5		62	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TUAN	P9	66	1	8		71	PSV	Vietnamese
13	TRAN TRUNG KIEM	P2	52	1	7		67	PSV	Vietnamese
14	PHAM VAN HIEP	P2	54	1	7		78	PSV	Vietnamese
15	TRAN HUU CHUONG	P2	69	1	6		75	PSV	Vietnamese
16	PHAM HONG VAN	P2	53	1	7		71	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUYEN	P2	49	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
18	DUONG SY CHIEN	P2	50	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
19	DOAN XUAN DUONG	P2	51	1	9		62	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CUONG	P2	57-58	2	18		79	XAYLAP	Vietnamese
21	LUONG VAN VIET	P2	60-61	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	6	8	60	392	11	5		
2	P9	6	6	38	404	30	4		
3	P2	9	11	92	641	0	13		
TOTAL		21	25	190	1.437	41	22		
WEIGHT KG				190	1.437	41			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2020	TO: P4 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phong - Mạnh - QTrưởng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG THANG	P4	04-05	2	15	30	84	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN VAN AI	P4	06	1	5		62	PSV	Vietnamese
3	BUI DUC CHINH	P4	07	1	5		65	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CUONG	P10	56-57	2	17	30	80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN DINH MINH	P10	38-39	2	14		62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN XUAN TRUONG	P10	47-48	2	12		80	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN HUU QUYNH	P10	40	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG SY	P10	41	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM VAN DINH	P10	43-44	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG HUNG	P10	49	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MANH	P10	45-46	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
12	TRUONG VAN NGHIA	P10	51	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
13	DOAN VAN BANG	P10	42	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
14	LAI HUY CUONG	P10	52-53	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN DUC	P10	36	1	5		78	T-TIN	Vietnamese
16	TRAN MINH BACH	P10	50	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	BUI VAN QUAN	P10	62	1	3		64	PSV	Vietnamese
18	BUI VAN NGUYEN	P10	35	1	4		67	PSV	Vietnamese
19	DO DAI DUONG	P10	37	1	4		60	PSV	Vietnamese
20	BUI QUOC DUONG	P10	58	1	7		54	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN DANG TUONG ANH	P10	59	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	3	4	25	211	30	0		
2	P10	18	24	206	1.184	30	22		
TOTAL		21	28	231	1.395	60	22		
WEIGHT KG				231	1.395	60			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: P2 - P6 - P8 - AMD	CREW: VThắng - Dương - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN GIA HIẾU	P2	67-68	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	P2	71-72	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	P2	65-66	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
4	LUƠNG VĂN LÊN	P2	69-70	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG AN	P2	64	1	8		69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT LỘC	P2	73-74	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG NGỌC HOÀI	P2	75-76	2	15	38	65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH NGỌC	P2	77-78	2	21		87	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	P2	62-63	2	7		84	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ HỒNG QUANG	P2	80	1	10		77	PSV	Vietnamese
11	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	P2	79	1	4		61	PSV	Vietnamese
12	TRAN VAN DU	P6	89-90	2	18	20	65	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀ MẠNH CUÔNG	P6	87-88	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM ĐÌNH DUNG	P6	82	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
15	VI THAI	P6	81	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG THANH	P6	83-84	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUẤN	P6	85-86	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
18	LE QUANG HUY	AMD	01-03	3	20		70	SOLAR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	11	19	155	758	38	4		
2	P6	6	10	96	405	20	0		
3	P8	0	0	0	0	0	17		
4	AMD	1	3	20	70	0	1		
TOTAL		18	32	271	1.233	58	22		
WEIGHT KG				271	1.233	58			

GRAND TOAL: 1.562 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN